

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Tên dự án:

**CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHO NÔNG THÔN TẠI
XÃ HƯƠNG GIÁN HUYỆN YÊN DŨNG TỈNH BẮC GIANG
(GIAI ĐOẠN 2)**

- Cơ quan chủ trì:

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC GIANG**

Bắc Giang, năm 2002

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Tên dự án:

**CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHO NÔNG THÔN TẠI
XÃ HƯƠNG GIÁN HUYỆN YÊN DŨNG TỈNH BẮC GIANG
(GIAI ĐOẠN 2)**

- Cơ quan chủ trì:

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC GIANG**

Bắc Giang, năm 2002

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *176*.../CV-CT

Bắc Giang, ngày *19* tháng 02 năm 2003

*V/v đề nghị nghiệm thu dự án
nông thôn miền núi*

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện công văn số: 212/BKHCN-NTMN ngày 29 tháng 01 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đôn đốc nghiệm thu các dự án nông thôn miền núi năm 2000. UBND tỉnh Bắc Giang đã giao cho Sở KH&CN&MT- Cơ quan thường trực của Hội đồng KH&CN tỉnh cùng với các cơ quan chuyên giao công nghệ, các ngành chức năng tổ chức nghiệm thu các mô hình và nghiệm thu cấp tỉnh 2 dự án nông thôn miền núi được phê duyệt tại Quyết định số 1429/QĐ-BKHCNMT ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ Trưởng Bộ KH&CN&MT, gồm:

- Dự án: “ Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”.

- Dự án: “ Xây dựng mô hình áp dụng các kỹ thuật tiến bộ nông nghiệp nhằm sử dụng đất hợp lý, tăng năng suất và sản lượng cây trồng, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn tại xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”.

Các dự án thực hiện từ năm 2000 đến nay đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nội dung chủ yếu được giao trong quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN&MT. Đã xây dựng được các mô hình đưa tiến bộ KH&CN cho sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước sạch sinh hoạt cho nông thôn góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và đời sống, xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Căn cứ kết quả của các Hội đồng nghiệm thu dự án cấp tỉnh, UBND tỉnh Bắc Giang kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiệm thu 2 dự án trên.

Rất mong được sự quan tâm của Quý Bộ

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi*
- VP chương trình NTMN
- (thuộc Bộ KH&CN)
- Sở KH&CN&MT
- Lưu: VT, TKCT, PVPNN, CVP.

K/T CHỦ TỊCH UBND TỈNH

PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Văn Mưu

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHO NÔNG THÔN TẠI XÃ HƯƠNG GIÁN
HUYỆN YÊN DŨNG TỈNH BẮC GIANG (GIAI ĐOẠN 2)

- *Cấp quản lý dự án:* Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường
 - *Cơ quan chủ quản dự án:* UBND tỉnh Bắc Giang
 - *Cơ quan chủ trì dự án:* Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bắc Giang
- Địa chỉ: Số 71- Nguyễn Văn Cừ - thị xã Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại: 0240.854.275 ; 0240.855.477
- *Chủ nhiệm dự án:* Nguyễn Văn Liễu
- Học vị: Tiến sĩ
- Chức vụ: Giám đốc Sở KHCN&MT
- *Cơ quan chuyển giao công nghệ:* Trung tâm Phát triển công nghệ cao
(Viện Khoa học vật liệu)
 - *Thời gian thực hiện dự án :* 8 tháng (từ tháng 8/2000 đến tháng 3/2001)
 - *Kinh phí:* 560.000.000 đồng, cấp từ nguồn KP SNKH của Bộ KHCN&MT)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

CUNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHO NÔNG THÔN TẠI

XÃ HƯƠNG GIÁN HUYỆN YÊN DŨNG TỈNH BẮC GIANG

Dự án cung cấp nước sinh hoạt nông thôn tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng được triển khai thực hiện từ năm 1997. Nhưng do những khó khăn về nguồn vốn nên phải thực hiện kéo dài, chia thành hai giai đoạn và kinh phí cũng được cấp từ hai nguồn khác nhau, đến năm 2001 dự án mới hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Giai đoạn I (1997- 1999): Khảo sát thăm dò, khoan giếng nước; thiết kế, chế tạo và lắp đặt thiết bị xử lý nước. Kinh phí cho giai đoạn này là 770 triệu đồng (trong đó từ Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường là 140 triệu để khoan thăm dò; và từ Ban chỉ đạo quốc gia về Nước sạch và vệ sinh môi trường 630 triệu để thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống xử lý).

Giai đoạn II (2000-2001): Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước, đường điện cấp cho trạm xử lý, đào tạo tập huấn, hướng dẫn sử dụng, vận hành cho cơ sở và các công việc khác để hoàn thiện dự án. Kinh phí cho giai đoạn này là 560 triệu đồng từ nguồn vốn của Chương trình nông thôn miền núi của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Vì giai đoạn I sau khi hoàn thành đã tổ chức nghiệm thu. Cho nên theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ thì báo cáo này chỉ tập trung vào việc tổng kết giai đoạn II của dự án. Tuy nhiên, để có cái nhìn chung về cả dự án chúng tôi xin được trình bày tổng kết chung về việc thực hiện cả dự án, trong đó tập trung chủ yếu vào giai đoạn II.

1 – KHÁI QUÁT DỰ ÁN

1- Sự cần thiết của dự án

Hương Gián là xã miền núi thuộc huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang, nằm cách thị xã Bắc Giang 7,5km về phía Đông Bắc. Xã Hương Gián phía Nam giáp sông Thương, phía Tây giáp xã Tây Tiến, phía Bắc giáp xã Đình Kế, phía Đông Bắc giáp xã Tân An và phía Đông giáp xã Xuân Phú. Xã Hương Gián có tổng diện tích là 836ha, dân số gần 9000 người, nằm trong khu vực bán sơn địa. Các thôn, xóm nằm trên khu vực đất cao. Khí hậu ở đây thuộc khí hậu trung du, lượng mưa trung bình hàng năm trên 2000 mm. Hương Gián là một xã tương đối đông dân, là địa phương có truyền thống cách mạng và là nơi có Chi bộ Đảng CSVN đầu tiên của tỉnh Bắc Giang. Nghề chính của nhân dân xã Hương Gián là sản xuất nông nghiệp (97% số dân làm nghề nông), 100% số hộ gia đình có điện dùng.

Do đặc điểm cấu tạo địa tầng việc khoan giếng khai thác nước ngầm ở đây không thuận lợi như ở vùng đồng bằng. Là vùng trũng nên mùa mưa nước bắn ngập xung quanh các thôn, làm ô nhiễm giếng đào của nhân dân. Về mùa khô các giếng lại cạn nước. Xã Hương Gián lại nằm ở hạ lưu sông Thương so với thị xã Bắc Giang vì vậy có nhiều khả năng một số hóa chất độc hại trong nước thải từ Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, điều này được nhân dân trong vùng xác nhận qua việc tôm cá chết nổi lên. Trong khi đó người dân Hương Gián chưa được sử dụng nước sạch. Do vậy, vấn đề nước sinh hoạt trở nên rất cần thiết và cấp bách để cải thiện đời sống nhân dân xã Hương Gián.

Để từng bước nâng cao đời sống của nông dân, góp phần vào công cuộc CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn; Thực hiện Quyết định số 132/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 930/1999/QĐ-BKHCNMT của Bộ trưởng Bộ KHCN&MT về việc phê duyệt chương trình *Xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002*; Được Bộ KHCN&MT giao nhiệm vụ, Sở KHCN&MT Bắc Giang chủ trì triển khai dự án: *"Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang"*

2- Mục tiêu của dự án:

- Thăm dò tìm kiếm nguồn nước, xây dựng hệ thống xử lý và cấp nước sinh hoạt qui mô tập trung, đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt đạt các tiêu chuẩn vệ sinh cho 2/3 số dân của xã Hương Gián.

- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành và quản lý hệ thống cấp nước sinh hoạt để đảm bảo hệ thống được sử dụng một cách có hiệu quả và lâu bền.

3- Nội dung của dự án:

Do có những khó khăn về nguồn kinh phí nên dự án phải huy động nhiều nguồn và thực hiện kéo dài từ 1999-2002 và có thể chia làm 2 giai đoạn chính với nội dung thực hiện như sau:

Giai đoạn I gồm :

Bước 1: Khảo sát, khoan thăm dò nguồn nước ngầm tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng.

Bước 2:

- Hoàn thành hai giếng khoan cấp nước ngầm với lưu lượng khai thác tổng cộng 14-15m³/h tại khu vực thôn Lạc Gián, lắp đường ống về khu xử lý nước.

- Xây dựng khu xử lý nước bao gồm: Mua hệ thống thiết bị xử lý nước, xây dựng bể chứa nước sạch, xây tường rào, rãnh thoát nước, hệ đặt thiết bị.

Giai đoạn 2:

Trên cơ sở các phân việc đã thực hiện xong trong giai đoạn 1 (năm 1999), giai đoạn 2 gồm:

- Thổi rửa 2 giếng khoan trước khi đưa vào khai thác sử dụng và phân tích chất lượng nước.

- Lắp đặt thiết bị gồm: Thiết bị cho 2 giếng khoan, thiết bị cho hệ thống điều khiển, thiết bị cho hệ thống xử lý nước.

- Cung cấp và lắp đặt đường điện cáp trong và ngoài trạm xử lý

- Cung cấp và lắp đặt hệ thống ống chính dẫn nước sạch sinh hoạt cho nhân dân các thôn: Lạc Gián, Hấn, Can, Chanh, Áng, Đông.

- Kết hợp với chính quyền địa phương triển khai việc lắp đặt đường ống dẫn nước từ tuyến chính tới từng hộ gia đình.

- Chuyển giao công nghệ xử lý nước cho cán bộ kỹ thuật địa phương, truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường cho nhân dân.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1- Tổ chức thực hiện:

Giám đốc Sở KHCN&MT đã thành lập BCD dự án, gồm: Giám đốc Sở – chủ nhiệm dự án làm trưởng ban, các uỷ viên gồm đại diện của UBND huyện Yên Dũng, UBND và Đảng uỷ xã Hương Gián. Trưởng phòng Quản lý KHCN là thư ký của BCD.

Ban chỉ đạo họp định kỳ để bàn bạc cách tổ chức phối hợp, tháo gỡ các khó khăn và xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình triển khai.

Sở KHCN&MT cử một cán bộ thường xuyên giám sát quá trình thực hiện các hạng mục của dự án để dự án triển khai theo đúng luận chứng đã được phê duyệt.

Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận dự án; lựa chọn cán bộ kỹ thuật để cử đi đào tạo vận hành và quản lý hệ thống cấp nước và tổ chức nhân dân đào rãnh để đặt ống nước, bảo vệ toàn bộ trang thiết bị của hệ thống cấp nước.

Nhìn chung sự phối kết hợp giữa cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và chính quyền địa phương trong triển khai dự án này là chặt chẽ nên dự án được thực hiện tương đối tốt.

2- Quản lý tài chính của dự án

Giai đoạn 2 của dự án thực hiện với kinh phí 560 triệu đồng do Bộ KH&CN&MT cấp. Kinh phí được sử dụng 100% cho việc xây dựng, lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ, tổng kết dự án. Kinh phí đối ứng của địa phương xã Hương Gián được thực hiện qua việc đào tuyến ống dẫn nước chính và xây dựng tuyến ống nhánh đến các hộ gia đình.

Sở KH&CN&MT đã cấp và thanh toán trực tiếp kinh phí cho cơ quan chuyển giao KH&CN - Trung tâm phát triển công nghệ cao theo hợp đồng cụ thể. Trước mỗi đợt chuyển kinh phí tiếp theo, tiến hành kiểm tra, xem xét tiến độ và kết quả đã thực hiện so với hồ sơ thiết kế đã duyệt và các chứng từ, hoá đơn. Biên bản kiểm tra có xác nhận của UBND xã Hương Gián. Kinh phí của dự án được sử dụng theo đúng quy định, đã được Sở Tài chính Vật giá tỉnh Bắc Giang thẩm tra quyết toán.

Trong quá trình thực hiện dự án, do công tác quản lý tích cực nên khi kết thúc dự án đã tiết kiệm được: 18.627.182 đồng. Khoản kinh phí này được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang quyết định chi hỗ trợ xây dựng thêm 1 công trình cung cấp nước sạch quy mô nhỏ cho một trường tiểu học, một trường trung học cơ sở và khu trung tâm của UBND xã Bảo Đài huyện Lục Nam.

III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1- Kết quả thực hiện giai đoạn I (đã nghiệm thu):

Sau khi kết thúc khoan thăm dò, cơ quan chuyển giao công nghệ đã thực hiện các công việc sau:

- Đã khoan mở rộng giếng khoan số 1 ở trong thôn Lạc Gián có đường kính lỗ khoan D190-D151, độ sâu 40m. Đã kết cấu ống khai thác, bơm thổi rửa và bơm thí nghiệm, lấy mẫu nước để phân tích.

- Thăm dò và khai thác thêm 1 giếng D190-D151 nữa ở phía nam thôn Lạc Gián, cách giếng khoan số 1 khoảng 700m về phía Nam và cách sông Thương 200m về phía Bắc, độ sâu 35m. Đã kết cấu ống khai thác, bơm thổi rửa và bơm thí nghiệm, lấy mẫu nước để phân tích.

- Xây dựng xong nhà vận hành.

- Xây dựng xong tường vào, sân và rãnh thoát nước.

- Xây dựng xong hệ đặt thiết bị

- Chế tạo và mua các thiết bị xử lý nước:

+ Đặt mua 2 máy bơm chìm NOCCHI (Italia) cho các giếng khoan. Các bơm này có thông số kỹ thuật thích hợp với yêu cầu sử dụng đặc biệt tại Hương Gián: do các giếng này nằm cách xa Trạm xử lý (1.300m và 700m) nên bơm phải có lực đẩy lớn.

+ Đặt mua 1 máy bơm cấp nước rửa các bình lọc nước FORAS (Italia) có công suất 80m³/h.

+ Đặt chế tạo thiết bị khử sắt và lọc nước bao gồm: 1 bộ tháp ô xy hóa và Ejector, cột tháp điều hòa, 3 bình lọc nổi, 3 bình lọc cát

Các thiết bị này được chế tạo hầu như hoàn toàn từ vật liệu không rỉ nên có độ bền cao, chịu được mọi tác động của thời tiết và không bị mài mòn nhanh trong quá trình sử dụng. Các vật liệu sử dụng để lọc nước có độ bền cơ học cao, sử dụng trên 10 năm mới phải thay thế. Riêng vật liệu oxy hóa sắt CONTACT hàng năm phải bổ sung 10%.

2- Kết quả thực hiện Giai đoạn II

a- Thổi rửa lại 2 giếng khoan

Đã tiến hành thổi rửa lại 2 giếng khoan trước khi đưa vào khai thác, sử dụng:

Giếng khoan số 1 ở trong thôn Lạc Gián có đường kính lỗ khoan D190- D151, độ sâu 40 m

Giếng khoan số 2 ở phía nam thôn Lạc Gián có đường kính lỗ khoan D 190- D151, độ sâu 35m

b- Lắp đặt thiết bị

Tiến hành lắp đặt các thiết bị đã mua trong giai đoạn 1 của dự án, cụ thể:

- Đã lắp đặt thiết bị cho 2 giếng khoan bao gồm : 2 máy bơm chìm NOCCHI của Italia.

- Đã lắp đặt hệ thiết bị xử lý nước bao gồm:

01 Bộ tháp oxy hoá Ejector

01 bộ tháp điều hoà

03 bộ thiết bị lọc nổi

03 bộ thiết bị lọc cát.

- Đã lắp đặt các vật tư van ống cút để hoàn thiện hệ thiết bị. Căn chỉnh các thiết bị cho phù hợp với công nghệ xử lý nước cần thiết.

c- Lắp đặt đường điện trong và ngoài trạm xử lý

- Cung cấp và lắp đặt 17 cột điện bê tông H8
- Cung cấp và lắp đặt 15 cột điện bê tông H6
- Cung cấp và lắp đặt 80m cáp điện
- Cung cấp và lắp đặt 1.507 m dây điện bọc PVC
- Lắp đặt aptomat, cầu dao, và các vật tư điện cho đường điện ngoài trạm.
- Cung cấp và lắp đặt các thiết bị điện cần thiết, đường điện trong trạm bơm và nhà bảo vệ bơm

d- Lắp đặt các tuyến ống dẫn nước và hướng dẫn vận hành:

Lắp đặt tuyến ống dẫn nước thô (từ các giếng khoan tới trạm xử lý):

- Ống HDPE D90: 1.920m
- Ống HDPE D63: 4.632m
- Ống HDPE D50: 3.171m
- Các van, tê, cút và phụ kiện cho đường ống

Lắp đặt tuyến ống dẫn nước chính đến các thôn:

- Thôn Lạc Gián: ống HDPE D32: 1.700m
- Thôn Áng: ống HDPE D32: 500m
- Thôn Hãn ống HDPE D32: 800m
- Thôn Can ống HDPE D32: 800m
- Thôn Đông ống HDPE D32: 600m
- Các van, tê, cút và phụ kiện cho đường ống
- Đã tiến hành kiểm tra, vận hành thử toàn bộ trạm cấp nước và tuyến ống

Hướng dẫn vận hành và tổ chức khánh thành:

Trung tâm Phát triển Công nghệ cao đã:

- Hướng dẫn vận hành cho các cán bộ địa phương để vận hành trạm nước
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ địa phương và đi tham quan mô hình quản lý, vận hành, khai thác trạm cấp nước tại Nam Định

- Tiến hành kiểm tra đánh giá chất lượng nước trước và sau khi xử lý. Qua kết quả kiểm nghiệm nước ngày 19/11 và 22/11/2001 cho thấy chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch sinh hoạt cho nông thôn.

Ngày 15/11/2001 Sở KH&MT, Sở KH&MT phối hợp với Trung tâm Công nghệ cao đã tiến hành tổ chức lễ khánh thành trạm cấp nước sinh hoạt xã Hương Gián với sự có mặt chứng kiến của đại diện UBND tỉnh, các ban, ngành, địa phương, Bộ KH&MT, một số cơ quan chức năng ở trung ương. Ngay sau khi công trình hoàn thành, 80 hộ gia đình đã bỏ kinh phí để lắp đặt đường ống nước từ trực chính vào nhà để sử dụng nước sạch và đến cuối năm 2002 đã có trên 300 hộ và đơn vị trong xã có nước sạch sử dụng (chiếm khoảng 25% số dân trong vùng dự án).

IV- KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1- Kết luận:

Dự án đã thực hiện được các mục tiêu đề ra, thể hiện trên các mặt sau:

- Sau 3 năm thực hiện dự án, tuy có thời gian gián đoạn do thiếu nguồn kinh phí song với sự nỗ lực cố gắng của Sở KH&MT, Trung tâm phát triển công nghệ cao, sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ của UBND huyện Yên Dũng, Đảng bộ, chính quyền xã cùng toàn thể nhân dân xã Hương Gián, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đã được hoàn thành. Đây là công trình thiết thực với nhân dân xã Hương Gián, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn miền núi.

- Ngoài ra công trình còn có ý nghĩa rất quan trọng về mặt xã hội, góp phần vào việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, đánh dấu một bước phát triển mới của nhân dân xã Hương Gián.

- Trung tâm Phát triển công nghệ cao đã hoàn thành đầy đủ khối lượng công việc của dự án giai đoạn 2 của dự án và công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng. Dự án hoàn thành đã giải quyết được vấn đề nước sạch VSMT cho nhân dân xã Hương Gián.

- Việc thực hiện dự án cũng đã đào tạo được cho Hương Gián một đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý có đủ năng lực vận hành và quản lý có hiệu quả một hệ thống cấp nước tập trung qui mô xã.

- Nhân dân Hương Gián đã tích cực đóng góp hàng ngàn ngày công để thi công hệ thống ống dẫn nước. Đây là kết quả có ý nghĩa của công tác phát huy nội lực, huy động sự đóng góp của người dân cho thực thi dự án.

2- Đề nghị :

- Bộ KH&CN hàng năm tiếp tục dành kinh phí cho triển khai mô hình này tới các địa phương khác trong nước nói chung cũng như Bắc Giang nói riêng. Những dự án tới đây nên cấp đủ kinh phí một lần để dự án sớm hoàn thiện và đưa vào sử dụng thì hiệu quả của dự án sẽ cao hơn.

- Trung tâm Phát triển Công nghệ cao phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Sở KH&CN&MT lựa chọn công nghệ và triển khai các mô hình cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn đặc biệt là vùng nông thôn làng nghề và vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa.

- UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT và các địa phương trong tỉnh nhân rộng mô hình này./.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN
SỞ KH&CN&MT TỈNH BẮC GIANG
KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Quê

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Nguyễn Văn Liễu'.

Nguyễn Văn Liễu

CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN

Bắc Giang, tháng 8 năm 2002

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

354/QĐ-BKHCNMT

Hà Nội ngày 11 tháng 8 năm 2000

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Về việc phê duyệt các dự án đợt 1 năm 2000 thuộc chương trình
"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển
kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002"*

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định 22-CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về
nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi
trường;

Căn cứ quyết định số 132/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 1998 của
Thủ tướng Chính Phủ về việc giao nhiệm vụ xây dựng mô hình ứng dụng KHCN
phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-BKHCNMT ngày 13/4/2000
của Bộ trưởng Bộ KHCNMT phê duyệt danh mục Dự án đợt 1 năm 2000 thuộc
chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục
vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002";

Theo đề nghị của các ông/bà: Phó Ban thường trực Ban chỉ đạo Chương
trình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHCN Nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt 42 Dự án trong danh mục Dự án đợt 1 năm 2000 thuộc
chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục
vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002"
gồm 35 Dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ (Phụ lục 1) và 7
Dự án xây dựng phòng nuôi cấy mô thực vật (Phụ lục 2).

Tổng kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Sự nghiệp Khoa học Trung
ương là 22.570 triệu đồng (hai mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi triệu
đồng)

- Thu hồi kinh phí từ các dự án về ngân sách sự nghiệp khoa học
Trung ương là 1.546 triệu đồng (một nghìn năm trăm bốn mươi sáu triệu
đồng)

Thời gian thực hiện, kinh phí hỗ trợ và thu hồi của từng Dự án trong danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Kế hoạch ký hợp đồng với các Giám đốc Sở KHCHMT chủ trì thực hiện Dự án.

Điều 3: Các ông/bà Phó ban thường trực Ban chỉ đạo Chương trình, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHCHN Nông nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KHCHNTT và Giám đốc các Sở KHCHMT Tỉnh/Thành phố có Dự án trong danh mục kèm theo chịu trách nhiệm thực hành Quyết định này.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

- Hội nhân:
- Điều 3,
- Các ủy viên BCD chương trình
- Bộ Tài chính,
- Lưu VI, Vụ KH



CHỦ TRƯỞNG

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Bắc Giang	Cung cấp nước sạch cho nông thôn tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)	Hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt cho các thôn Lạc Gián, Hắc Cán, Chanh, Áng, Dông;	- Lắp đặt thiết bị xử lý nước - Lắp đặt đường dẫn cấp - Lắp đặt hệ thống mạng tưới ông nước	Cung cấp nước sạch cho 6000- 7000 người	82000	32000	560	7	Trung tâm phát triển công nghệ cao Viện Khoa học vật liệu KHTN và CNQC

Chưa có

Số : 02/HĐ-DANTMN

HỢP ĐỒNG

THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KH&CN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI

- Căn cứ Quyết định số 132/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002 .

- Căn cứ Quyết định số: 1429/QĐ-BKH&CNMT ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt Dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi của tỉnh Bắc Giang .

- Căn cứ Hợp đồng số: 15/HĐ - DANTMN ngày 15 tháng 8 năm 2000 đã ký giữa Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện dự án :

Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2)

Hôm nay, ngày 28 tháng 9 năm 2000, tại Sở KH&CN&MT Bắc Giang

Chúng tôi gồm :

1- BÊN GIAO (BÊN A):

*** Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Giang là cơ quan chủ trì dự án**

Đại diện là

1- Ông Nguyễn Văn Liễu ; Chức vụ : Giám đốc

2- Ông: Thân Ngọc Hoàng; Phụ trách phòng Quản lý Khoa học Công nghệ

3- Bà Nguyễn thị Phương Lan; Kế toán Sở

Địa chỉ : 71 Nguyễn Văn Cừ - TX Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang

Số tài khoản : 945.02.00.012 Tại kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Giang

*** Và chủ nhiệm dự án**

Ông Nguyễn Văn Liễu ; Chức vụ : Giám đốc

2- BÊN NHẬN (BÊN B):

*** Cơ quan chuyển giao công nghệ thực hiện dự án : Trung tâm phát triển công nghệ cao**

Đại diện là ông : Nguyễn Hoài Châu

Chức vụ : Giám đốc

Bà Trần thị Ngọc Dung - Kế toán trưởng

Địa chỉ : đường Hoàng Quốc Việt - quận Cầu Giấy - Hà nội

Điện thoại : 04.8.364.152

Số tài khoản : 431100020001 Tại : Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội

*** Người chủ trì thực hiện nội dung (công trình) của dự án :**

Ông : Nguyễn Hoài Châu

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên thoả thuận ký kết hợp Hợp đồng với các điều khoản sau :

I- ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Điều 1: Bên B cam kết thực hiện nội dung (công trình) sau đây :

Lắp đặt thiết bị xử lý nước. Lắp đặt đường điện cáp. Lắp đặt hệ thống mạng lưới ống nước tại Xã Hương Gián - Yên dũng - Bắc Giang

thuộc dự án : **Cung cấp nước sạch cho nông thôn tại xã Hương Gián - Yên dũng - Bắc Giang**

Theo các nội dung trong Phụ lục 1,2 và 3 . Các Phụ lục trên là bộ phận của Hợp đồng .

Điều 2 : Thời gian thực hiện Hợp đồng là 10 tháng , từ tháng 8 năm 2000 đến tháng 3 năm 2001

Điều 3: Bên A sẽ đánh giá và nghiệm thu sản phẩm khoa học công nghệ theo các yêu cầu, chỉ tiêu nêu trong các Phụ lục 1,2 và 3.

II- TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 4: Kinh phí để thực hiện dự án là : 560 triệu đồng

(Bằng chữ : Năm trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

- Giá trị hợp đồng: 555 triệu đồng

- Kinh phí để kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu là 5 triệu đồng

Điều 5: Bên B được cấp số kinh phí ghi ở điều 4 theo tiến độ sau :

Đợt	Số tiền (triệu đồng)	Thời gian cấp
1	560	Quý 4/2000

Trước mỗi đợt chuyển kinh phí tiếp theo, bên A sẽ tiến hành xem xét và khẳng định kết quả đạt được theo tiến độ thực hiện nêu trong Phụ lục 1, 2. Nếu bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, bên A có thể kiến nghị thay đổi tiến độ cấp kinh phí, hoặc tạm ngừng cấp kinh phí để tìm biện pháp xử lý cần thiết.

Điều 6: Bên B có trách nhiệm báo cáo định kỳ cho bên A về quá trình thực hiện và sử dụng tài chính của công trình, báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

Điều 7: Bên B có trách nhiệm nộp cho bên A khoản kinh phí thu hồi là : 0 triệu đồng (bằng 0 % giá trị hợp đồng)

III- TRÌNH TỰ GIAO NHẬN SẢN PHẨM

Điều 8 : Khi hoàn thành công trình, bên B phải chuyển cho bên A những tài liệu nêu trong phụ lục 3 và các hạng mục công trình nêu trong phụ lục 1 để đánh giá và nghiệm thu.

Điều 9: Trong thời gian 10 ngày sau khi bên B đã thực hiện xong nội dung nêu trong điều 7 và quyết toán kinh phí, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu công trình.

Điều 10: Bên B được hưởng quyền tác giả và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành gắn với chế độ quyền tác giả.

Mọi việc chuyển giao kết quả thực hiện nội dung của dự án cho bên thứ 3 phải được sự thoả thuận của cả 2 bên.

IV- TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 11: Trong quá trình thực hiện nếu bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện hợp đồng thì cần thông báo cho bên thứ 2 biết trước 10 ngày để xem xét, giải quyết, xác định trách nhiệm các bên và lập biên bản xử lý.

Việc xác định trách nhiệm của các bên và lập biên bản xử lý cũng phải thực hiện đầy đủ trong trường hợp nội dung thực hiện không đạt kết quả khi đánh giá nghiệm thu.

Điều 12: Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm về vật chất theo pháp luật hiện hành.

Nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung hợp đồng, hai bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản, lúc đó mới có giá trị.

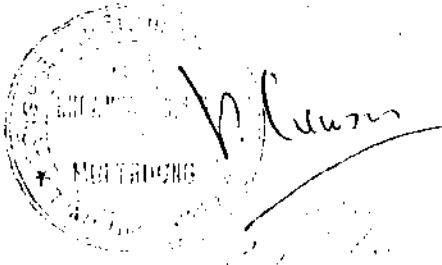
Điều 13: Mọi tranh chấp về hợp đồng cần được giải quyết trước hết qua đàm phán trực tiếp, nếu không được sẽ giải quyết tại Tòa án kinh tế cấp tương ứng theo pháp luật hiện hành.

Điều 14: Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng được làm thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

Hợp đồng được thanh lý sau khi các nội dung nêu tại điều 7 và điều 9 đã được thực hiện đầy đủ ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG**



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

[Handwritten signature]

ĐẠI DIỆN BÊN B

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHUYỂN GIAO
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG**

[Handwritten signature]

CHỦ TRÌ CÔNG TRÌNH

[Handwritten signature]

NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ VÀ SẢN PHẨM CỤ THỂ

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện		Sản phẩm khoa học và công nghệ
		Từ tháng/.....	Đến tháng/.....	
1	Xúc rửa hai giếng khoan.	15/10/2000	15/11/2000	
2	Lắp đặt hệ thiết bị xử lý nước.	1/11/2000	30/11/2000	
3	Cung cấp và lắp đặt đường điện cấp.	1/11/2000	30/11/2000	
4	Cung cấp và lắp đặt mạng lưới ống nước chính.	15/11/2000	25/12/2000	
5	Kết hợp với chính quyền địa phương lắp đặt mạng ống dẫn nước phụ (bằng kinh phí của địa phương).	1/1/2001	30/3/2001	
6	Chuyển giao nghệ và truyền thông.	1/2/2001	30/3/2001	

DỰ TOÁN KINH PHÍ

(.triệu đồng)

Số TT	Khoản chi	Nội dung	Thành tiền
1	Khoản 1: Thuê khoán chuyên môn	1. Xây dựng tuyến ống nước chính. 2. Thổi rửa giếng khoan, lắp thiết bị giếng. 3. Lắp đặt thiết bị xử lý nước. 4. Điện trong và ngoài trạm. 5. Thiết kế công trình. 6. Chuyển giao kỹ thuật và truyền thông.	63.691.428 1.669.912 6.639.755 4.631.770 22.875.964 31.500.000

2	Khoản 2: Nguyên liệu, vật liệu, năng lượng. Dụng cụ, phụ tùng.	1. Xây dựng tuyến nước chính. 2. Thổi rửa giếng khoan, lắp thiết bị giếng. 3. Lắp đặt thiết bị xử lý nước. 4. Điện trong và ngoài trạm xử lý.	243.236.048 7.502.470 71.357.478 77.912.037
3	Khoản 3: Thiết bị, máy móc chuyên dùng .	1. Xây dựng tuyến ống nước chính. 2. Thổi rửa giếng khoan, lắp thiết bị giếng. 3. Lắp đặt thiết bị xử lý nước. 4. Điện trong và ngoài trạm xử lý.	4.469.646 3.158.772 3.277.014 441.700
4	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	- Xây dựng m ² nhà xưởng - Sửa chữa m ² nhà xưởng - Lắp đặt hệ thống điện, nước - Chi phí khác .	
5	Khoản 5: Chi phí khác 1. Công tác phí 2. Quản lý cơ sở 3. Đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu 4. Chi khác : - Chi phí xây dựng dự án - Chi phí duyệt dự án - Chi phí nghiên cứu công nghệ xử lý nước (nhiệm Mn) - Chi khác	- Chi phí kiểm tra - Nghiệm thu nội bộ - Nghiệm thu chính thức - Thông tin liên lạc	5.000.000 2.500.000 2.000.000 6.000.000 2.000.000

DANH MỤC TÀI LIỆU VẬT MẪU

Số TT	Tên tài liệu, vật mẫu	Số lượng	Chú thích
1	Bản báo cáo qui trình thực hiện dự án.	4	
2	Bản vẽ hoàn công công trình cấp nước.	4	
3	Hồ sơ quyết toán dự án.	4	
4	Quy trình vận hành và hướng dẫn sử dụng hệ thống cấp nước.	4	
5	Quy chế bảo vệ khai thác nguồn nước.	4	
6	Tài liệu tập huấn NS&VSMT.	200	

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 01/BBTL-DA

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2001

Tại Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bắc Giang

Đại diện bên A : Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bắc Giang -

Cơ quan chủ trì dự án, gồm:

- 1- Ông Nguyễn Văn Liễu - Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án
- 2- Ông Thân Ngọc Hoàng - Phụ trách phòng quản lý KHCN
- 3- Ông Nguyễn Văn Chúc - Chuyên viên Phòng quản lý KHCN
- 4- Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kế toán Sở KHCN&MT

Đại diện bên B : Trung tâm phát triển công nghệ cao - Cơ quan chuyên giao công nghệ thực hiện dự án, gồm:

- 1- Ông Nguyễn Hoài Châu - Giám đốc Trung tâm
- 2- Ông Phạm Thịnh Hưng - Cán bộ kỹ thuật Trung tâm
- 3- Bà Trần Thị Ngọc Dung - Kế toán

Đại diện UBND xã Hương Gián: Đơn vị tiếp nhận dự án

- 1- Ông Nguyễn Xuân Vẻ - Chủ tịch UBND xã Hương Gián - Yên Dũng

Cùng nhau xem xét kết quả thực hiện nội dung công việc và tình hình sử dụng kinh phí của dự án theo hợp đồng số: 02/HĐ-DAN'TMN ký ngày 28 tháng 9 năm 2000.

1- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC :

Bên B đã tiến hành:

- Xúc rửa 2 giếng khoan
- Lắp đặt hệ thống thiết bị xử lý nước
- Cung cấp và lắp đặt đường điện trong và ngoài trạm bơm
- Cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng lưới tuyến ống nước chính tại xã

Hương Gián - Yên Dũng - Bắc Giang

- Kết hợp với Chính quyền địa phương lắp đặt mạng ống dẫn nước phụ (kinh phí của địa phương). Chuyển giao công nghệ và truyền thông.

Khối lượng và chất lượng từng hạng mục công trình bên B triển khai đảm bảo theo yêu cầu của bên A (có biên bản đánh giá riêng kèm theo)

2- KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHẦN TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Tổng giá trị hợp đồng là : 560.000.000 đồng

(Năm trăm sáu mươi triệu đồng)

Bên A đã chuyển kinh phí cho bên B là 541.372.818 đồng
(Năm trăm bốn mươi một triệu, ba trăm bảy hai ngàn, tám trăm mười tám đồng). Bên B đã nhận đủ và chỉ cho các nội dung sau :

- Chi phục vụ xây lắp các hạng mục công trình: 491.837.000 đồng
- Chi khác: 49.535.818 đồng

Kinh phí còn lại: 18.627.182 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm tám mươi hai đồng) Bên B không sử dụng hết, được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang quyết định chi hỗ trợ công trình nước sạch xã Bảo Đài - huyện Lục Nam - Bắc Giang (Văn bản số: 1679/CV-CT ngày 18/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chuyển kinh phí của dự án cung cấp nước sạch xã Hương Gián - Yên Dũng)

Các khoản chi của dự án đã có chứng từ chi tiết, quyết toán với Sở KH&CN&MT và được Sở Tài chính-Vật giá thẩm tra quyết toán.

Sau khi xem xét cụ thể, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng số: 02/HĐ-DANTMN ký ngày 28 tháng 9 năm 2000.

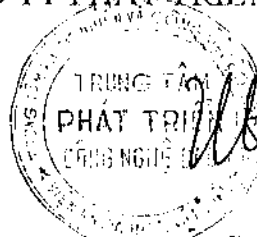
Biên bản được lập thành 4 bản có giá trị như nhau , mỗi bên giữ 2 bản ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GD SỞ KH&CN&MT- CHỦ DỰ ÁN



TS Nguyễn Văn Liễu

ĐẠI DIỆN BÊN B
GD TT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO



TS Nguyễn Hoài Châu

KỸ THUẬT BÊN A

Nguyễn Văn Chức

KỸ THUẬT BÊN B

Phạm Thịnh Hưng

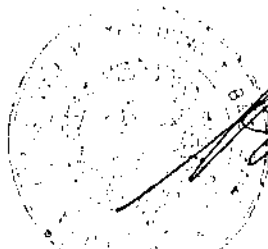
KẾ TOÁN BÊN A

Nguyễn Thị Phương Lan

KẾ TOÁN BÊN B

Trần Thị Ngọc Dung

UBND XÃ HƯƠNG GIÁN



UBND XÃ HƯƠNG GIÁN
CHỦ TỊCH
NGUYỄN XUÂN VÊ

Số: 93/KXN

Hà nội, ngày 22 tháng 11 năm 2001

PHIẾU KIỂM NGHIỆM NƯỚC

Địa chỉ gửi mẫu: Trạm cấp nước xã Hương Gián- Huyện Yên Dũng- Bắc Giang
Loại mẫu: Nước giếng khoan qua lọc
Ngày nhận mẫu: 13/11/2001(mẫu tự gửi)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả (mg/l)		Giới hạn tối đa cho phép	Ghi chú
		1	2		
1	Màu	không		không	
2	Mùi	Không		không	
3	Vị	Không		không	
4	pH	7,6		6,5-8,5	
5	Độ trong				
6	H/l cặn không tan				
7	H/l cặn TP				
8	Nitrit (NO_2^-)	0,0		0,01	
9	Nitrat (NO_3^-)	0,1		10,0	
10	Amoniác(NH_4^+)	0,0		3,0	
11	Phốt phát(PO_4^{3-})	1,2		2,50	
12	Chất hữu cơ(MT axit) _x	2,4		4,0	
13	Sắt: +Fe ¹²				
	+Fe ¹³				
	+Fe ¹² +Fe ¹³	0,0		0,5	

STT	Chỉ tiêu	Kết quả	(mg/l)	Giới hạn tối đa cho phép	Ghi chú
14	H/I NaCl	111,6	2	250	
15	Độ cứng TP (CaCO_3)	156,8		500	
16					
17					
18					
19					
20					

Kết luận: Mẫu nước trên có hàm lượng muối cao hơn tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện lý hoá.

KIỂM NGHIỆM YÊN

KHOA XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG HN

16

10/4

16

KS Hoàng Thị Lợi

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2001

PHIẾU KIỂM NGHIỆM NƯỚC
Về phương diện Vi sinh vật

Địa chỉ lấy mẫu: Trạm cấp nước Hương Gián, huyện Yên Dũng, Bắc Giang
Đơn vị lấy mẫu: Tự gửi
Ngày nhận mẫu: 13/11/2001
Loại mẫu: Mẫu nước giếng khoan (qua lọc)

Số TT	Chỉ tiêu vi sinh	Đơn vị	Phương pháp XN	Giới hạn tối đa cho phép	Kết quả
1	Coliform	SI/ 100ml		10	0
2	Faecal coliform	SI/ 100ml		0	0
3	Clostridium perfringens	SI/ 10ml		0	0

Nhận xét: Mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh - nước sinh hoạt về phương diện vi sinh vật.

XÉT NGHIỆM VIÊN

TRƯỞNG KHOA XN

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM YTDP HÀ NỘI

Cn. Phạm Thị Hạnh

Bs. Nguyễn Thị Hiền

Ghi chú: Kết quả trên chỉ có giá trị trên mẫu thử

TRUNG TÂM PTCN CAO

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

- Tên công trình: **Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại xã Hương Gián - huyện Yên Dũng - tỉnh Bắc Giang**
- Cơ quan chủ đầu tư: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường
- Cơ quan quản lý dự án: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bắc Giang
- Đơn vị thiết kế, thi công: Trung tâm Phát triển Công nghệ cao (Viện Khoa học Vật liệu)

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2001

Tại xã Hương Gián, Hội đồng nghiệm thu công trình gồm có:

I-Đại diện cơ quan quản lý dự án : Sở KH&MT Bắc Giang

- 1- Ông: Nguyễn Văn Liễu ; Chức vụ: Giám đốc Sở
- 2- Ông: Thân Ngọc Hoàng ; Chức vụ: P. trưởng phòng Quản lý KH&CN.
- 3- Ông: Nguyễn Văn Chức ; Chức vụ: Chuyên viên

II-Đại diện đơn vị thiết kế,thi công : Trung tâm Phát triển Công nghệ Cao

- 1- Ông: Nguyễn Hoài Châu ; Chức vụ: Giám đốc TT
- 2- Ông: Nguyễn Bằng Giang ; Chức vụ: Cán bộ phòng Quản lý tổng hợp
- 3- Ông: Đỗ Trọng Hạnh ; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

III- Đại diện đơn vị tiếp nhận và sử dụng công trình: UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

- 1- Ông: Nguyễn Xuân Vẻ ; Chức vụ: Chủ tịch
- 2- Ông: Nguyễn Văn Độ ; Chức vụ: Bí thư
- 3- Ông: Phạm Văn Bảo ; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Các bên đã tiến hành lập biên bản này về những nội dung sau:

1. **Tên công trình:** Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại xã Hương Gián Yên Dũng Bắc Giang.

2. **Công tác thi công công trình bao gồm các hạng mục:**

- Tuyến ống dẫn nước chính.
- Hệ thống giếng khoan.
- Hệ thiết bị xử lý nước.
- Hệ thống diện trong và ngoài trạm.

3. **Các bên đã xem xét các hồ sơ, tài liệu sau:**

- Hồ sơ, tài liệu thiết kế, các biên bản nghiệm thu giai đoạn xây lắp.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu.
- Các tài liệu kiểm tra chất lượng, khối lượng.
- Hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng.

4. **Kiểm tra tại hiện trường:**

- Trên cơ sở xem xét hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình và kiểm tra tại hiện trường, toàn bộ các hạng mục và có nhận xét sau:

4.1. Thời hạn thi công công trình:

- Ngày khởi công: 4/2001.....
- Ngày hoàn thành: 11/2001.....

4.2. Quý mô đưa vào sử dụng của công trình:

- Theo thiết kế được phê duyệt:
- Theo thực tế đạt được: Đạt

4.3. Khối lượng công việc đã thực hiện:

- Theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

* Đã tiến hành chạy thử liên tục từ ngày 11 tháng 11 năm 2001 đến ngày 15 tháng 11 năm 2001, kết quả là công trình hoạt động tốt.

5. **Nhận xét về khối lượng, chất lượng:**

- Chất lượng thi công đúng với thiết kế đã được phê duyệt.
- Khối lượng đã thực hiện theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

6. **Những sửa đổi so với thiết kế đã được phê duyệt:**

khả

7. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng và đề nghị thanh toán.

• Về hình dáng, đất liếp cũng tương tự như đất ruộng nhưng thiết kế đã tránh
phèn đọng.

- Tiền đề luận giải : căn cứ vào (vì nguyên lý & luật quan)

Đi nghỉ ở Núi Bà, thu công tác, thu hoạch quả ở vườn ở địa phương.

3. Kiến nghị:

→ UBND xã H.G. có trách nhiệm bảo quản, bổ sung và sửa chữa công trình an ninh quốc gia.

Trụ sở PT.CN của cơ quan chuyên nghiệp kinh doanh kỹ thuật, văn phòng và
hàng chục lính công nhân 12 tháng (12 từ tháng 11/2001). Dự án này cũng
được thực hiện tại các đơn vị. Sau đó, họ chuyển vào các đơn vị khác.
Đã bắt đầu quyết toán và các báo cáo tài chính gửi về Sở KH và MT Bạc
Phước kèm theo: Hồ sơ quyết toán công trình.

Đầu bài để lập thành 5 bài (mỗi bên 2 bài) tạo cho bài dễ hiểu và thấy nhất kỳ tình

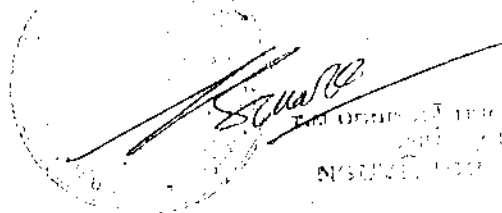
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN DV QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH(31) $\lambda \bar{N} \rightarrow \bar{N}$

Nguyễn Văn Liễn

ĐẠI DIỆN ĐV TƯ VẤN THIẾT KẾ

Nguyen Van An



ANSWER:

ĐẠI DIỆN DV CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC

CIAM ĐOC

U. H. L. C.

Thy p. H. L. C.

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN NĂM 2000
(Phần kinh phí uỷ quyền)

Tên đơn vị thẩm tra quyết toán : SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
Mã số chương : 017B

Căn cứ thông tư số 21/2000/TT/BTC ngày 16 tháng 03 năm 2000 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị HCSN.

Căn cứ biên bản thẩm tra quyết toán năm 2000, ngày 19 tháng 03 năm 2001 Sở tài chính thông báo kết quả thẩm tra quyết toán năm 2000 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Bắc Giang phần kinh phí uỷ quyền chi thực hiện dự án nước sạch xã Hương Gián - Huyện Yên Dũng như sau :

I/ Phần số liệu :

Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị báo cáo	Số liệu thẩm tra
1- Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0
2- Dự toán được duyệt trong năm	400.000.000	400.000.000
3- Kinh phí thực nhận trong năm	400.000.000	400.000.000
4- Kinh phí được sử dụng (1 + 3)	400.000.000	400.000.000
5- Số kinh phí đề nghị quyết toán	400.000.000	400.000.000
6- Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	0	0
7- Kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau (4-5-6)	0	0
8- Kinh phí quyết toán chia ra :		
Chi tiết mục 119 :	400.000.000	400.000.000
Tiểu mục 14 :	378.181.852	378.181.852
Tiểu mục 99 :	21.818.148	21.818.148

II/ Nhận xét và xử lý :

1- Nhận xét :

- Đơn vị thực hiện chỉ tiêu dự án đề ra đầy đủ theo quy định
- Việc lập dự toán , thiết kế kỹ thuật, quyết toán kinh phí thực hiện đúng theo quy định của Xây dựng cơ bản.
- Tuy việc thanh quyết toán còn chậm so với quy định . Song đơn vị đã có nhiều cố gắng đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, hoàn thành khối lượng công trình để thanh quyết toán kinh phí được đầy đủ.
- Nhìn chung dự án đã đưa được những tiến bộ khoa học vào đời sống sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống cho nhân dân xã Hương Gián huyện Yên Dũng.

2- Kiến nghị :

- Đề nghị đơn vị khẩn trương hoàn thành nốt những hạng mục của dự án còn lại.
- Đề nghị đơn vị hoàn thành thiết kế chi tiết hoàn công những phần việc mà thiết kế chi tiết ban đầu chưa tính được.
- Đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ tài chính cấp tiếp kinh phí cho dự án thực hiện những phần còn lại.

CV theo dõi

Trưởng phòng đầu tư

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)



CHẤM ĐÓNG

NGUYỄN MẠNH THƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN NĂM 2001
(*Phần kinh phí uỷ quyền*)

Tên đơn vị thẩm tra quyết toán : SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC GIANG
Mã số chương : 017B

Căn cứ thông tư số 21/2000/TT/BTC ngày 16 tháng 03 năm 2000 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị HCSN.

Căn cứ biên bản thẩm tra quyết toán năm 2001, ngày 22 tháng 02 năm 2002 Sở tài chính thông báo kết quả thẩm tra quyết toán năm 2001 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Bắc Giang phần kinh phí uỷ quyền chi thực hiện dự án nước sạch xã Hương Gián — Huyện Yên Dũng và hỗ trợ cho dự án cấp nước xã Bảo Đài huyện Lục Nam như sau :

I/ Phần số liệu :

Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị báo cáo	Số liệu thẩm tra
1- kinh phí năm trước chuyển sang	0	0
2- Dự toán được duyệt trong năm	160.000.000	160.000.000
3- Kinh phí thực nhận trong năm	160.000.000	160.000.000
4- Kinh phí được sử dụng (1 + 3)	160.000.000	160.000.000
5- Số kinh phí đề nghị quyết toán	160.000.000	160.000.000
6- Kinh phí giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	0	0
7- Kinh phí chưa quyết toán chuyển năm sau (4-5-6)	0	0
8- Kinh phí quyết toán chia ra :		
Chi tiết mục 119 :	160.000.000	160.000.000
Tiểu mục 14 :	134.455.000	134.455.000
Tiểu mục 99 :	25.545.000	25.545.000

II/ Nhận xét và xử lý :

1- Nhận xét :

- Đơn vị thực hiện chỉ tiêu dự án để ra đầy đủ theo quy định
- Trong quá trình thực hiện dự án chưa có dự toán chi tiết phân tuyến ống đến hộ sử dụng, nhưng kết thúc có biên bản nghiệm thu chi tiết, hồ sơ hoàn công đầy đủ.
- Tuy việc thanh quyết toán còn chậm so với quy định . Song đơn vị đã có nhiều cố gắng đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, hoàn thành khối lượng công trình để thanh quyết toán kinh phí được đầy đủ.

2- Kiến nghị :

- Đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ tài chính nghiệm thu dự án cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

CV theo dõi

Trưởng phòng dân tư

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Số : *24* / QĐ-KHCN

Bắc giang , ngày *11* tháng *12* năm 2002

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Về việc thành lập hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh dự án khoa học & công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UB ngày 15/3/1997 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Sở KH&CN&MT; Căn cứ Quyết định 417/1998/QĐ-CT ngày 3/4/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng KHCN tỉnh.

- Căn cứ quyết định số 1429/QĐ-BKH&CNMT ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ KH&CN&MT về việc phê duyệt các dự án đợt I năm 2000 thuộc chương trình *Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998 - 2002*.

- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học Công nghệ - Sở KH&CN&MT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng khoa học nghiệm thu dự án:

Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

(có danh sách kèm theo).

Điều 2: Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ tư vấn cho Thường trực Hội đồng KH&CN tỉnh trong việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp Nhà nước ghi tại điều 1 để báo cáo với UBND tỉnh và Bộ KH&CN

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý KH&CN, Chủ nhiệm dự án và các thành viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện quyết định này ./

Nơi nhận :

- Như điều 3
- Đ/c Thân Văn Mưu - PCT
- UBND tỉnh (b/c)
- Lưu QLKH, VT.

GIÁM ĐỐC



TS Nguyễn Văn Liễu

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CẤP TỈNH DỰ ÁN KH&CN
(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-HĐKH&CN ngày 21/12/2012
của Giám đốc Sở KH&CN&MT)

- Tên DA cấp nhà nước: **Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.**
- Cơ quan chủ trì : Sở Khoa học Công nghệ và MT Bắc Giang
- Chủ nhiệm dự án : TS Nguyễn Văn Liễu

Tt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	KS Nguyễn Ngọc Thiếng	Sở Nông nghiệp PTNT	Chủ tịch HĐ
2	KS Vương Văn Nam	Trung tâm Khuyến nông KL tỉnh	Ủy viên PB2
3	KS Nguyễn Văn Hòa	Trung tâm nước sạch và vệ sinh MT nông thôn	Ủy viên PB1
4	BS Đặng Thanh Minh	Sở Y tế	Ủy viên
5	KS Nguyễn Văn Hòe	Phòng Kinh tế HTNT huyện Yên Dũng	Ủy viên
6	KS Thân Ngọc Hoàng	Sở KH&CN&MT	Thư ký

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CẤP TỈNH Số 06 BB-NT

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2002,

Tại : Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Giang

Hội đồng nghiệm thu được thành lập theo quyết định số: 27/QĐ-KHCN, ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường; tiến hành họp nghiệm thu dự án:

*Cung cấp nước sinh hoạt cho nông thôn tại xã Hương Gián
huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang*

- Chủ nhiệm dự án: TS Nguyễn Văn Liễu

Chức vụ: Giám đốc

Đơn vị công tác: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường

- **Thành phần** Hội đồng nghiệm thu **gồm** : 05 thành viên

Có mặt: 04 Vắng mặt: 01

- **Khách mời gồm:**

1- Ông Hà Quê - Phó giám đốc Sở KHCN&MT

2- Ông Lương Văn Thành - Phó giám đốc Sở KHCN&MT

3- Ông Nguyễn Xuân Vẻ - Chủ tịch UBND xã Hương Gián

Sau khi nghe chủ nhiệm dự án trình bày báo cáo kết quả thực hiện dự án. Các thành viên Hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá các nội dung sau:

1- Tiến độ thực hiện

2 - Kết quả đạt được so với mục tiêu nội dung đề ra

3- Khả năng ứng dụng kết quả của dự án

4- Quản lý và sử dụng kinh phí của dự án.

Hội đồng tiến hành bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu như sau :

+ Số phiếu xuất sắc:01.....

+ Số phiếu đạt:01.....

+ Số phiếu khá02.....

+ Số phiếu không đạt:0.....

Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu kết luận và đề nghị :

* Kết luận:

- Dự án thực hiện đạt báo đúng theo đề.

- Mục tiêu, nội dung của dự án được thực hiện khai thác đúng, hoàn thiện; các nội dung, hàng mục công trình đã được các chuyên gia đánh giá và đồng ý nghiệm thu.

- Công trình cung cấp nước sạch được đưa vào sử dụng theo hành từ cuối tháng 11/2001 đến nay, đã góp phần cải thiện đời sống, vệ sinh môi trường nông thôn, đảm bảo sức khỏe, sinh hoạt của người dân và thủy lợi.

Tuy nhiên: phải theo và sử dụng nước sạch sinh hoạt tại xã hiện. Gần môi trường 25-30% công suất của công trình do người dân chưa sử dụng kiên kiên phí để lắp đặt hệ thống nước sạch.

Kết quả đánh giá dự án đạt loại : Khá

* Đề nghị: Sở KH&CN&MT hoàn thiện báo cáo tổng kết dự án.

- Bộ Khoa học và Công nghệ cho nghiệm thu dự án.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 ngày 14 tháng 12 năm 2002 và thông qua Hội đồng nghiệm thu.

Biên bản lập thành 3 bản: Thư ký 01 bản, chủ đề tài 1 bản, gửi Thường trực Hội đồng KH&CN&MT tỉnh 1 bản /.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thận Ngọc Hồng

Nguyễn Ngọc Linh

